

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Thị Hồng Minh
Trường Đại học Thái Bình

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích thực trạng ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Trên cơ sở làm rõ khái niệm và vai trò của công nghệ số, nghiên cứu chỉ ra những kết quả đạt được như số hóa quy trình quản lý, đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường kết nối, hội nhập quốc tế. Đồng thời, bài viết cũng nhận diện các hạn chế, tồn tại như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, nguồn nhân lực số còn hạn chế, vấn đề bảo mật thông tin và thiếu cơ chế chính sách thống nhất. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học, góp phần đổi mới toàn diện giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại số.

Từ khóa: Công nghệ số; quản lý giáo dục; giáo dục đại học Việt Nam.

APPLICATION OF DIGITAL TECHNOLOGY IN HIGHER EDUCATION MANAGEMENT IN VIETNAM TODAY

Abstract: The article focuses on analyzing the current situation of digital technology application in higher education management in Vietnam in the context of national digital transformation. On the basis of clarifying the concept and role of digital technology, the study points out the results achieved such as digitizing the management process, innovating training methods, improving management efficiency, and strengthening international connectivity and integration. At the same time, the article also identifies limitations and exists such as insynchronized technological infrastructure, limited digital human resources, information security issues and lack of a unified policy mechanism. From there, the study proposes a number of solutions to improve the effectiveness of the application of digital technology in higher education management, contributing to comprehensive education innovation and meeting development requirements in the digital age.

Keywords: Digital technology; education management; Higher education in Vietnam.

Nhận bài: 06/03/2026

Phản biện: 06/04/2026

Duyệt đăng: 09/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số đang trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là giáo dục đại học. Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tối ưu hóa công tác quản lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới. Thực tiễn cho thấy, việc ứng dụng công nghệ số đã góp phần quan trọng trong quản lý đào tạo, quản trị nhân sự, kiểm định chất lượng, cũng như hỗ trợ hoạt động giảng dạy và học tập theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, nguồn nhân lực số còn thiếu và yếu, sự chênh lệch về mức độ ứng dụng giữa các cơ sở đào tạo, cũng như những thách thức về bảo mật thông tin và thay đổi tư duy quản lý truyền thống. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần có những

nghiên cứu toàn diện nhằm đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phù hợp để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong quản lý giáo dục đại học. Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vai trò của công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học

Theo Khoản 1, Điều 3, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, “Công nghệ số là tập hợp các phương pháp khoa học, quy trình công nghệ, công cụ kỹ thuật để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số và số hóa thế giới thực”. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học được hiểu là quá trình tích hợp, sử dụng các công nghệ dựa trên nền tảng số như hệ thống thông tin quản lý, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT),... vào

các hoạt động quản lý của cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng và tính minh bạch trong quản trị. Quá trình này bao gồm việc số hóa dữ liệu, tự động hóa các quy trình quản lý, xây dựng các hệ thống quản lý thông minh và khai thác dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định.

Cụ thể, ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học không chỉ dừng lại ở việc sử dụng phần mềm hay công cụ kỹ thuật, mà còn là sự chuyển đổi toàn diện về phương thức quản lý, từ mô hình truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và nền tảng số. Điều này thể hiện ở việc triển khai các hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý nhân sự, tài chính, kiểm định chất lượng, cũng như các nền tảng hỗ trợ giảng dạy và học tập trực tuyến. Thông qua đó, các hoạt động quản lý được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, đồng bộ và có khả năng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các bộ phận trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ số còn gắn liền với việc đổi mới tư duy quản lý, nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, cũng như xây dựng môi trường giáo dục linh hoạt, mở và thích ứng với sự thay đổi của xã hội. Như vậy, có thể khẳng định rằng, ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học là một quá trình tất yếu, mang tính chiến lược nhằm hiện đại hóa quản trị đại học, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, công nghệ số đang giữ vai trò ngày càng quan trọng trong việc đổi mới quản lý giáo dục đại học.

Thứ nhất, công nghệ số góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành trong các cơ sở giáo dục đại học. Thông qua việc ứng dụng các hệ thống quản lý tích hợp như ERP, LMS hay các nền tảng dữ liệu số, nhà trường có thể số hóa toàn bộ quy trình quản lý từ tuyển sinh, đào tạo, khảo thí đến quản lý nhân sự và tài chính. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn tăng tính minh bạch, chính xác và khả năng kiểm soát trong hoạt động quản lý. Đặc biệt, việc sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) còn hỗ trợ nhà quản lý đưa ra các quyết định dựa trên bằng chứng, từ đó nâng cao chất lượng quản trị đại học theo hướng hiện đại và hiệu quả hơn.

Thứ hai, công nghệ số đóng vai trò đổi mới phương thức quản lý đào tạo và nâng cao chất

lượng giáo dục. Các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS) hay các công cụ hỗ trợ giảng dạy số cho phép tổ chức đào tạo linh hoạt, đa dạng về hình thức như học trực tuyến, học kết hợp (blended learning) hay học cá nhân hóa. Nhà quản lý có thể theo dõi tiến độ học tập, đánh giá kết quả của người học theo thời gian thực, từ đó kịp thời điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Bên cạnh đó, công nghệ số còn giúp chuẩn hóa và tự động hóa các khâu kiểm tra, đánh giá, góp phần đảm bảo tính công bằng, khách quan và nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên. Đây là nền tảng quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học thích ứng với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại số.

Thứ ba, công nghệ số có vai trò tăng cường kết nối, tương tác và mở rộng hệ sinh thái giáo dục đại học. Nhờ các nền tảng số, việc kết nối giữa nhà trường với người học, giảng viên, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Sinh viên có thể tiếp cận nguồn học liệu phong phú trên toàn cầu, tham gia các khóa học trực tuyến quốc tế, trong khi nhà trường có thể hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các đối tác trong và ngoài nước mà không bị giới hạn bởi không gian địa lý. Đồng thời, công nghệ số còn tạo điều kiện để phát triển các mô hình đại học mở, đại học số, góp phần thúc đẩy học tập suốt đời và nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trong xã hội. Sự kết nối này không chỉ làm phong phú môi trường học tập mà còn nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ tư, công nghệ số đóng vai trò thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực trong quản lý giáo dục đại học. Việc ứng dụng công nghệ số đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên phải không ngừng nâng cao năng lực số, đổi mới tư duy và phương pháp làm việc. Qua đó, hình thành đội ngũ nhân lực có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường giáo dục và thị trường lao động. Đồng thời, môi trường số cũng khuyến khích các ý tưởng sáng tạo trong quản lý và giảng dạy, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp trong các trường đại học. Đây là yếu tố quan trọng góp phần xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên số. Như vậy, công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy sự đổi mới toàn diện trong quản lý giáo dục đại học.

2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam

Về kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, cùng với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đồng thời cũng bộc lộ không ít hạn chế, tồn tại cần được nhận diện và khắc phục. Thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học cho thấy bức tranh chuyển đổi số trong quản lý đang diễn ra theo chiều hướng mở rộng cả về quy mô lẫn chiều sâu, góp phần từng bước hiện đại hóa hệ thống quản trị đại học.

Sự gia tăng mạnh mẽ trong việc số hóa dữ liệu và xây dựng hệ thống quản lý tích hợp. Nhiều trường đại học đã triển khai các hệ thống quản lý đào tạo (LMS), hệ thống thông tin sinh viên (SIS), hệ thống quản trị nguồn lực (ERP), qua đó số hóa các quy trình từ tuyển sinh, đăng ký học phần, quản lý điểm số đến xét tốt nghiệp. Ví dụ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng các cổng thông tin điện tử tích hợp cho phép sinh viên thực hiện hầu hết các thủ tục học vụ trực tuyến, từ đăng ký môn học, tra cứu kết quả học tập đến nộp hồ sơ tốt nghiệp. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn giảm thiểu sai sót do yếu tố con người, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong quản lý.

Việc ứng dụng công nghệ số đã góp phần đổi mới phương thức quản lý đào tạo và tổ chức dạy - học, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã nhanh chóng chuyển đổi sang hình thức dạy học trực tuyến thông qua các nền tảng như Moodle, Microsoft Teams, Zoom hay Google Classroom. Chẳng hạn, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến BKEL, cho phép giảng viên tổ chức lớp học, giao bài tập, kiểm tra đánh giá và tương tác với sinh viên trên môi trường số. Nhờ đó, hoạt động đào tạo không bị gián đoạn, đồng thời mở ra cơ hội phát triển các mô hình đào tạo linh hoạt như học kết hợp (blended learning), học trực tuyến quy mô lớn (MOOCs). Công nghệ số cũng giúp nhà quản lý dễ dàng theo dõi tiến độ học tập, đánh giá chất lượng giảng dạy và đưa ra các điều chỉnh kịp thời.

Công nghệ số đã nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu. Nhiều trường đại học đã bước đầu ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, quản

phân tích kết quả học tập của sinh viên, dự báo nguy cơ bỏ học, đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo. Một số cơ sở giáo dục đã xây dựng hệ thống dashboard quản trị, cung cấp thông tin tổng hợp theo thời gian thực cho lãnh đạo nhà trường. Ví dụ, Đại học FPT được biết đến là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ số vào quản trị, với hệ thống quản lý nội bộ cho phép theo dõi toàn diện hoạt động đào tạo, tài chính và nhân sự, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

Việc ứng dụng công nghệ số đã thúc đẩy kết nối và hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học. Các nền tảng số giúp các trường đại học Việt Nam dễ dàng hợp tác với đối tác nước ngoài trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Sinh viên có thể tham gia các khóa học trực tuyến từ các trường đại học hàng đầu thế giới, tiếp cận nguồn học liệu phong phú và đa dạng. Đồng thời, các hoạt động hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế cũng được tổ chức trực tuyến, tiết kiệm chi phí và mở rộng phạm vi tham gia. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên trường quốc tế.

Về những hạn chế, tồn tại

Cùng với những kết quả đạt được, thực trạng ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế đáng chú ý.

(i) Sự thiếu đồng bộ về hạ tầng công nghệ và mức độ triển khai giữa các cơ sở giáo dục. Trong khi một số trường đại học lớn, có nguồn lực mạnh đã triển khai thành công các hệ thống quản lý hiện đại, thì nhiều trường khác, đặc biệt là các trường địa phương hoặc quy mô nhỏ, vẫn gặp khó khăn trong việc đầu tư hạ tầng công nghệ, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ số còn manh mún, rời rạc. Ví dụ, một số trường vẫn sử dụng các phần mềm riêng lẻ cho từng bộ phận mà chưa có sự tích hợp, gây khó khăn trong việc chia sẻ dữ liệu và phối hợp quản lý.

(ii) Nguồn nhân lực số còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Nhiều cán bộ quản lý, giảng viên chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng số, dẫn đến tâm lý e ngại, thiếu chủ động trong việc ứng dụng công nghệ vào công việc. Trong một số trường hợp, việc triển khai các hệ thống công nghệ mới gặp phải sự kháng cự từ phía người sử dụng do chưa quen với cách làm việc mới. Điều này làm giảm hiệu quả của quá trình chuyển đổi số và gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

(iii) Vấn đề bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu còn nhiều bất cập. Việc số hóa dữ liệu và sử dụng các nền tảng trực tuyến làm gia tăng nguy cơ rò rỉ thông tin cá nhân, tấn công mạng hoặc mất dữ liệu. Tuy nhiên, không phải cơ sở giáo dục nào cũng có đủ năng lực và giải pháp bảo mật hiệu quả. Một số trường chưa xây dựng được hệ thống bảo mật đồng bộ, chưa có quy trình quản lý dữ liệu rõ ràng, dẫn đến những rủi ro tiềm ẩn trong quản lý.

(iv) Thiếu cơ chế, chính sách đồng bộ và chiến lược dài hạn về chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, nhưng việc triển khai ở cấp cơ sở còn thiếu sự thống nhất, chưa có tiêu chuẩn chung về hệ thống công nghệ, dữ liệu và quy trình quản lý. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi trường triển khai theo cách riêng, khó kết nối và chia sẻ dữ liệu trên phạm vi toàn hệ thống. Ví dụ, việc liên thông dữ liệu giữa các trường đại học và cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế, gây khó khăn trong công tác thống kê, báo cáo và hoạch định chính sách.

(v) Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hay blockchain. Phần lớn các ứng dụng hiện nay vẫn dừng ở mức số hóa quy trình và quản lý thông tin, chưa chuyển sang giai đoạn quản trị thông minh dựa trên dữ liệu. Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu, cần tiếp tục được đầu tư và phát triển.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, việc nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, toàn diện và mang tính chiến lược. Trên cơ sở thực tiễn triển khai và những hạn chế còn tồn tại, có thể đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy quá trình này theo hướng hiệu quả và bền vững.

Một là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Nhà nước cần xây dựng và ban hành các khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ về chuyển đổi số trong giáo dục, bao gồm các tiêu chuẩn về dữ liệu, hệ thống thông tin, bảo mật và liên thông giữa các cơ sở giáo dục

với cơ quan quản lý. Đồng thời, cần có chiến lược dài hạn về chuyển đổi số trong giáo dục đại học gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, xác định rõ mục tiêu, lộ trình và nguồn lực thực hiện. Các chính sách hỗ trợ tài chính, ưu đãi đầu tư cho công nghệ giáo dục cũng cần được chú trọng nhằm khuyến khích các cơ sở đào tạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý.

Hai là, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đồng bộ. Hạ tầng công nghệ là nền tảng quan trọng để triển khai hiệu quả các ứng dụng số trong quản lý giáo dục. Do đó, các cơ sở giáo dục đại học cần được đầu tư xây dựng hệ thống mạng, trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây và các hệ thống phần mềm quản lý tích hợp. Việc phát triển hạ tầng cần đảm bảo tính đồng bộ, khả năng mở rộng, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận trong nhà trường cũng như với các hệ thống bên ngoài. Đồng thời, cần ưu tiên ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn nhằm nâng cao năng lực quản trị thông minh.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao trong giáo dục đại học. Đây là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số. Các cơ sở giáo dục cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, giúp họ có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ và thích ứng với môi trường làm việc số. Bên cạnh đó, cần xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin có trình độ cao để vận hành, bảo trì và phát triển các hệ thống số trong nhà trường. Việc thay đổi tư duy quản lý, từ mô hình truyền thống sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu cũng cần được chú trọng thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng và khai thác hệ thống dữ liệu số trong quản lý giáo dục đại học. Dữ liệu được xem là “tài nguyên mới” trong thời đại số, do đó việc thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ và khai thác dữ liệu một cách hiệu quả là rất cần thiết. Các cơ sở giáo dục cần xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và cập nhật, từ đó phục vụ công tác quản lý, giám sát và ra quyết định. Đồng thời, cần ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để khai thác thông tin có giá trị từ dữ liệu, hỗ trợ dự báo, đánh giá và nâng cao chất lượng quản trị. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các trường đại học và cơ quan quản lý nhà nước cũng cần được thúc đẩy nhằm tạo ra hệ sinh thái dữ liệu giáo dục thống nhất.

Năm là, tăng cường bảo mật thông tin và đảm bảo an toàn dữ liệu trong môi trường số. Khi các hoạt động quản lý được số hóa, nguy cơ mất an toàn thông tin cũng gia tăng. Do đó, các cơ sở giáo dục cần xây dựng hệ thống bảo mật toàn diện, bao gồm các giải pháp kỹ thuật như mã hóa dữ liệu, xác thực đa yếu tố, tường lửa, cũng như các quy trình quản lý an ninh thông tin chặt chẽ. Đồng thời, cần nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về an toàn thông tin, phòng chống các rủi ro trên không gian mạng. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định về bảo mật dữ liệu cũng là yêu cầu bắt buộc trong quá trình chuyển đổi số.

Sáu là, thúc đẩy hợp tác, liên kết và chia sẻ kinh nghiệm trong ứng dụng công nghệ số. Các cơ sở giáo dục đại học cần tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức trong và ngoài nước để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận các giải pháp công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực triển khai. Đồng thời, cần xây dựng các mạng lưới liên kết giữa các trường đại học nhằm chia sẻ tài nguyên, dữ liệu và kinh nghiệm trong quản lý.

Việc tham gia vào các dự án hợp tác quốc tế về chuyển đổi số trong giáo dục cũng sẽ giúp các cơ sở đào tạo nâng cao năng lực và vị thế trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

III. KẾT LUẬN

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là xu hướng tất yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng đào tạo và năng lực hội nhập quốc tế của các cơ sở giáo dục. Thực tiễn cho thấy, quá trình chuyển đổi số đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại không ít hạn chế về hạ tầng, nguồn nhân lực, cơ chế chính sách và bảo mật thông tin. Do đó, việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ hoàn thiện thể chế, đầu tư hạ tầng, phát triển nhân lực đến tăng cường hợp tác là yêu cầu cấp thiết. Trong thời gian tới, nếu được thực hiện hiệu quả, chuyển đổi số sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Chiến lược chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.
- Chính phủ. (2020). Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg). Hà Nội.
- Nguyễn, V. C. (2021). Chuyển đổi số trong quản lý đào tạo ở các trường đại học Việt Nam: Cơ hội và thách thức. Tạp chí Quản lý Giáo dục, 13(5), 15-22.
- Quốc hội. (2025). Luật số: 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025, Luật Công nghiệp công nghệ số. Hà Nội.